

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Số: 102/2017/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Hà, ngày 03 tháng 11 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số:114/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Minh N. Cùng trú tại: Thôn 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Minh N và chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Minh N và chị Nguyễn Thị Thanh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Phan Minh N và chị Nguyễn Thị Thanh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Phan Minh Tr, sinh ngày 07/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phan Minh Tr đủ 18 tuổi. Anh Phan Minh N cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng **1.500.000 đồng** (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2017 cho đến khi cháu Phan Minh Tr đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Phan Minh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị T thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là **300.000đ** (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009277 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk La, huyện Đắk Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN THỊ HƯỜNG

